

Số: 102/QĐ-ĐHTCNH-QLĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về đào tạo trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường
ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học”;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ*” của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, quyết định này thay thế Quyết định số 75/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 10 tháng 05 năm 2013 của trường áp dụng từ Khóa 10 tuyển sinh năm 2021. Trường các Viện, khoa, Bộ môn, Phòng, Trung tâm, cán bộ, giảng viên và sinh viên đại học hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH (để b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

QUY ĐỊNH
VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐH
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 102/QĐ- ĐHTCNH-QLĐT
ngày 14 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH
Tài chính - Ngân hàng Hà Nội)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này vận dụng Thông tư số 08/2021/TT/BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Quy định này áp dụng đối với chương trình đào tạo hệ đại học chính quy, hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học của trường. Hình thức đào tạo vừa học vừa làm. Các chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng bao gồm các chương trình liên kết đào tạo được áp dụng quy định này hoặc quy định của cơ sở đào tạo cấp bằng theo thỏa thuận liên kết, hợp tác giữa các bên nhưng không trái với những điều của quy định này (khi Trường có đào tạo).
3. Quy định này điều chỉnh các hoạt động đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: Tổ chức quá trình đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo (hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần; xét và công nhận tốt nghiệp, những quy định khác đối với sinh viên).

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ. Cấu trúc từ các môn học học phần (sau đây gọi chung là học phần); trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và học phần tự chọn đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành (nếu trường có đào tạo). Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào vị trí, tính chất của các học phần trong mối quan hệ với mục tiêu đào tạo, Trường quy định khung tín chỉ học tập (viết tắt là TC) cho các chương trình đào tạo đơn ngành trình độ đại học 4 năm, nằm trong khung từ 120 đến 135 tín chỉ (bao gồm cả các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó: 85 - 90% tổng số TC là các học phần bắt buộc; 10 - 15% tổng số TC là các học phần tự chọn. Đào tạo hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học nằm trong khung từ 50 đến 52 tín chỉ. Hiệu trưởng quy

1/24

định cụ thể cho từng khóa tuyển sinh và hệ đào tạo tổng số tín chỉ toàn khóa cho từng hệ đào tạo.

2. Chương trình đào tạo của Trường tuân thủ quy định chương trình khung các ngành đào tạo tương ứng của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 2 khối kiến thức: Giáo dục đại cương (GDĐC) và giáo dục chuyên nghiệp (GDCN). Mỗi khối kiến thức gồm 2 nhóm học phần: Bắt buộc và tự chọn.

3. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Áp dụng chung đối với các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước (nếu trường có đào tạo).

Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên.

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

b. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo (nếu trường có đào tạo).

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được quy định trong quy chế của nhà trường nhưng không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi loại hình thức đào tạo. Đối với sinh viên hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

6. Phòng Quản lý đào tạo quản lý nội dung chương trình đào tạo của các ngành/chuyên ngành đào tạo trong trường. Các viện, khoa chuyên ngành, bộ môn quản lý nội dung chương trình giảng dạy các học phần/môn học do đơn vị mình phụ trách theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

Đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo của

UKG

trường.

a. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

b. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc (điểm F) phải học lại đúng học phần đó.

c. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo.

2. Đào tạo vừa làm, vừa học (trường chưa đào tạo)

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở đào tạo hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 5 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo.

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn thực hiện các hình thức đào tạo phù hợp.

Điều 5. Liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với nhà trường (cơ sở chủ trì đào tạo):

a. Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định.

b. Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành.

c. Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng

chương trình đào tạo.

d. Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a. Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b. Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành, trừ các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a. Nhà trường chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b. Nhà trường chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở của trường để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c. Nhà trường phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng cơ sở chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d. Nhà trường chủ trì đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

Chương II **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

Kế hoạch giảng dạy và học tập được lập để chi tiết hóa việc tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Tùy thuộc vào chương trình đào tạo, khóa học được quy định như sau: Đào tạo trình độ đại học được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp

nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo (hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học).

2. Một năm học có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ có ít nhất 14-16 tuần thực học và 03 tuần thi. Ngoài 02 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét việc đăng ký giảng dạy của các bộ môn và giáo viên, nhu cầu đăng ký học của sinh viên, điều kiện cơ sở vật chất, quỹ thời gian cho phép để quyết định tổ chức thêm một học kỳ hè để sinh viên có những học phần không đạt (điểm F), sinh viên có điểm học phần ở mức trung bình yếu (điểm D) có nhu cầu cải thiện điểm ở các học kỳ chính và sinh viên có đủ điều kiện đăng ký học theo tiến độ nhanh hoặc học thêm các học phần ngoài CTĐT được đăng ký học. Mỗi học kỳ hè có 4-5 tuần thực học và 01 tuần thi. Kết quả học tập học kỳ hè được tính vào kết quả và xếp loại học tập học kỳ của năm học đó.

3. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức quy định cho các chương trình và kế hoạch đào tạo. Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

4. Thời gian kế hoạch của một khóa đào tạo đại học chính quy đơn ngành là 04 năm. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn (học theo tiến độ nhanh) hoặc kéo dài thời gian đào tạo (học theo tiến độ chậm) theo quy định chung như sau:

- Thời gian rút ngắn tối đa là 02 học kỳ chính đối với trình độ đại học chính quy dài hạn.

- Thời gian đào tạo tối đa cho mỗi khóa học là 07 năm đối với đào tạo trình độ đại học chính quy dài hạn. Sinh viên thuộc các đối tượng ưu tiên theo quy định của quy chế tuyển sinh không bị giới hạn bởi thời gian đào tạo tối đa trên.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi sinh viên đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học Hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học được xếp vào 01 túi hồ sơ sinh viên do phòng Quản lý đào tạo Nhà trường quản lý.

2. Sau khi xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận danh sách sinh viên trúng tuyển của trường và cấp cho sinh viên:

- Thẻ sinh viên, mã sinh viên;

- Cuốn “Những điều sinh viên Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội cần biết”, trong đó cung cấp đầy đủ các thông tin về chuẩn đầu ra; mục tiêu, nội dung các chương trình đào tạo; các quy định quản lý đào tạo, công tác sinh viên và các quy định khác về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo và quy

urq

định của Nhà trường.

4. Sinh viên được quyền đăng ký theo nguyện vọng ngành đào tạo quy định của trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, khi nguyện vọng của sinh viên cao hơn chi tiêu đào tạo của từng ngành, khi đó, nhà trường sẽ căn cứ vào chi tiêu, kết quả đăng ký ngành, điểm xét tuyển và kết quả học tập. Hiệu trưởng quy định cụ thể các tiêu chí và thứ tự ưu tiên để sắp xếp sinh viên vào các ngành đào tạo.

Điều 8. Tổ chức lớp học

1. Lớp hành chính (lớp sinh viên)

a) Lớp hành chính là lớp sinh viên được tổ chức theo nguyên tắc quản lý toàn diện sinh viên gắn với tổ chức của viện, khoa chuyên ngành. Lớp hành chính được tổ chức theo khóa tuyển sinh và theo ngành/chuyên ngành đào tạo, được duy trì trong cả khóa học, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ Đoàn.

b) Mỗi lớp hành chính có một mã số riêng và có một Cố vấn học tập.

2. Lớp học phần

Lớp học phần là đơn vị cơ bản để tổ chức giảng dạy và học tập. Một lớp học phần bao gồm những sinh viên (cùng hoặc khác ngành/chuyên ngành đào tạo; cùng hoặc khác khóa) đăng ký học một học phần trong cùng một khoảng thời gian. Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa vào kết quả đăng ký học tập được duyệt của sinh viên và được Phòng Quản lý đào tạo thành lập theo quy định về số lượng sinh viên tối thiểu/1 lớp học phần và số lượng lớp học phần tối đa có thể đáp ứng trong từng học kỳ.

3. Lớp thảo luận

Lớp thảo luận là hình thức tổ chức lớp trên cơ sở lớp học phần để triển khai hoạt động thảo luận trên lớp. Tùy theo điều kiện phòng, lớp, giáo viên cụ thể để bố trí lớp thảo luận có quy mô phù hợp nhưng phải đảm bảo tối đa không quá 120 sinh viên/1 lớp thảo luận.

4. Cố vấn học tập

a) Cố vấn học tập là người tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra lựa chọn đúng trong quá trình học tập.

b) Cố vấn học tập do viện, khoa chuyên ngành đề cử. Viện trưởng, trưởng khoa ra quyết định công nhận. Cố vấn học tập thực hiện nhiệm vụ theo Quy định về công tác Cố vấn học tập do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 9. Đăng ký học tập

1. Thủ tục đăng ký

Trước mỗi kỳ học ít nhất 03 tuần, Nhà trường thông báo lịch học tập dự kiến cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo trong học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến giảng dạy, điều kiện tiên quyết của từng học phần, lịch thi, hình thức thi của các học phần.

Trừ học kỳ đầu của khóa học, sinh viên tuân thủ theo kế hoạch của Trường, từ học kỳ thứ 2 của năm thứ nhất trở đi sinh viên phải đăng ký theo trình tự như sau:

- Sinh viên truy cập vào trang Web của Trường (<http://www.fbu.edu.vn>) để xem xét kế hoạch giảng dạy dự kiến và đăng ký học theo mã số tài khoản tương ứng của mình.
- Thực hiện đăng ký theo hướng dẫn của phòng Quản lý đào tạo.
- Nhận kết quả đăng ký dưới dạng văn bản của Phòng Quản lý đào tạo thông báo cho các viện, khoa chuyên ngành về học phần đã đăng ký và được duyệt theo lớp sinh viên (hoặc trên trang Web của Trường). Tất cả các thao tác trên đều được thực hiện trên máy vi tính có nối mạng LAN nếu ở phạm vi trong Trường hoặc Internet. Đăng ký được chấp nhận trong thời gian quy định có giá trị pháp lý và sinh viên phải thi hành.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn quy mô tối thiểu quy định cho một lớp học phần thì lớp học sẽ không được tổ chức. Để chủ động, Phòng Quản lý đào tạo sẽ chuyển sang các học phần khác có lớp học phần. Nếu sinh viên nào không nhất trí phải làm đăng ký lại với cố vấn học tập để chuyển sang học phần khác. Nếu không có ý kiến phản hồi coi như sinh viên chấp nhận học phần đã được Phòng Quản lý đào tạo chuyển.

Trước khi bắt đầu học kỳ 03 tuần, Trường thông báo thời khóa biểu tại các bảng thông báo của Phòng Quản lý đào tạo và các viện, khoa chuyên ngành. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và phản ánh những sai lệch (nếu có) với Phòng Quản lý đào tạo trước khi bắt đầu học kỳ.

Trong những trường hợp đặc biệt có hướng dẫn riêng.

2. Quy định về khối lượng và thời gian đăng ký học

a. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a1 - Sinh viên đảm bảo đăng ký trung bình trong mỗi học kỳ chính từ 16 TC đến 19 TC theo hướng dẫn từng học kỳ của Trường đối với sinh viên xếp hạng học lực bình thường để đảm bảo thời gian chuẩn của khóa học.

a2 - Sinh viên được đăng ký tối thiểu từ 11 TC đến 15 TC trong mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ làm tốt nghiệp) đối với sinh viên thuộc diện học theo tiến độ chậm và sinh viên đang trong thời gian xếp hạng học lực yếu.

a3 - Sinh viên thuộc diện học theo tiến độ nhanh được đăng ký nhiều hơn số tín

chỉ theo quy định tại điểm a1 đối với các học kỳ chính (trừ học kỳ làm tốt nghiệp) và trong khuôn khổ bố trí lớp học phần của Phòng Quản lý đào tạo.

- b. Đăng ký học tập học kỳ hè có quy định riêng (nếu có tổ chức).
- c. Sinh viên phải hoàn thành thủ tục đăng ký chậm nhất 02 tuần trước mỗi học kỳ.

3. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

Sinh viên có điểm đánh giá kết quả học phần là F sau 02 lần thi thì phải đăng ký học lại học phần đó (đối với học phần bắt buộc) hoặc có thể đăng ký học một học phần khác thay thế (nếu là học phần tự chọn) ở các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.

Ngoài ra, sinh viên có học phần đạt điểm D cũng được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy ở các kỳ tiếp theo (quy định cụ thể tại Quyết định số 71 ngày 26 tháng 5 năm 2015 của trường).

4. Bổ sung hoặc rút bớt các học phần sau khi đăng ký được duyệt

a. Việc đăng ký bổ sung học phần hoặc đăng ký đổi sang học phần khác khi không có lớp so với đăng ký được duyệt chỉ được chấp nhận trong học kỳ chính và phải hoàn thành trong vòng 02 tuần đầu kể từ khi bắt đầu học kỳ.

b. Việc rút bớt học phần đã được duyệt chỉ được chấp nhận sau 02 tuần nhưng không muộn quá 08 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ đối với các học phần được bố trí giảng dạy trên 12 tuần trong một học kỳ chính; sau 02 tuần nhưng không muộn quá 04 tuần đối với các học phần được bố trí giảng dạy dưới 12 tuần trong một học kỳ chính.

Ngoài thời gian trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong đăng ký và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

c. Điều kiện bổ sung hoặc rút bớt các học phần đã được duyệt:

- Không vi phạm khoản 2, Điều 8 của Quy định này;
- Sinh viên viết đơn (theo mẫu) và nộp cho cố vấn học tập;
- Được cố vấn học tập chấp thuận và nộp cho Phòng Quản lý đào tạo;
- Phòng Quản lý đào tạo xem xét các điều kiện trên và gửi giấy báo cho giáo viên phụ trách lớp học phần.
- Sinh viên chỉ được phép rút khỏi lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giáo viên phụ trách thông báo và gạch tên khỏi lớp học phần.

Điều 10. Học phí

Căn cứ vào số lượng TC đã được đăng ký và chấp nhận, chậm nhất 03 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ sinh viên phải nộp học phí theo số lượng TCHP và mức học phí/1 TCHP quy định. Sau thời gian này, nếu sinh viên chưa nộp học phí, Phòng Kế hoạch - Tài chính, viện, khoa chuyên ngành thông báo cho sinh viên dừng học tạm thời và thông báo cho Phòng Quản lý đào tạo tạm thời gạch tên sinh viên khỏi danh sách lớp học phần. Chậm

Ug

nhất sau 05 tuần, sinh viên vẫn không nộp học phí sẽ coi như xóa tên khỏi danh sách lớp học phần và xử lý đình chỉ học tập 01 học kỳ, không công nhận kết quả đã học của các học phần trong học kỳ đó.

Trường hợp sinh viên đăng ký và được chấp nhận rút bớt hoặc bổ sung học phần đều phải chấp hành quy định nộp học phí trên kể từ khi quyết định được chấp nhận (nếu là học phần bổ sung).

Điều 11. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a. Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b. Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c. Phòng Đảm bảo chất lượng, Thanh tra nội bộ, phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Dạy và học trực tuyến:

a. Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo trực tuyến tại Quyết định số 49 ngày 09 tháng 03 năm 2021 của Hiệu trưởng.

b. Nhà trường được tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp.

c. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy chế của nhà trường quy định:

a. Việc phân công giảng viên cho các lớp học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khóa luận và thực hiện các hoạt động học tập khác, do trưởng bộ môn phân công.

b. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của nhà trường và việc công khai ý kiến phản hồi của người học bao gồm các nội dung; mức độ, hình thức công khai trong phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra nội bộ, phòng Quản lý đào tạo chủ trì tổ chức, các viện, khoa, đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

UPG

c. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ môn, các phòng ban có liên quan do Hiệu trưởng quy định.

d. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận tốt nghiệp và các hoạt động học tập khác, do viện, khoa chuyên ngành và các quy định về đào tạo, quy chế công tác sinh viên để thực hiện.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 12. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Điểm đánh giá kết quả học phần được xác định qua 3 điểm đánh giá bộ phận với trọng số như sau:

STT	Điểm đánh giá bộ phận	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Điểm đánh giá cho cả học phần	10%
2	Điểm kiểm tra định kỳ, điểm thực hành, bài tập lớn, điểm tiểu luận (nếu có)	Điểm trung bình của các điểm	30%
3	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm đánh giá cho cả học phần	60%

2. Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp sẽ không được tham dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 cho lần thi thứ nhất.

3. Điểm chuyên cần xác định căn cứ vào tỷ lệ tham gia các giờ học lý thuyết, thảo luận và sinh hoạt nhóm: ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các nội dung trên toàn học phần của mỗi sinh viên và nhóm thảo luận.

4. Điểm kiểm tra định kỳ, điểm thực hành, bài tập lớn, điểm tiểu luận: trên cơ sở các quy định sau:

a. Số lượng bài kiểm tra định kỳ:

- Học phần có khối lượng kiến thức 01 TC: 01 điểm kiểm tra định kỳ dưới hình thức 01 bài kiểm tra hoặc bài thực hành (45 phút trên lớp);

- Học phần có khối lượng kiến thức 02 TC: 02 điểm kiểm tra định kỳ dưới hình thức bài kiểm tra hoặc bài thực hành (45 phút trên lớp) hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận;

- Học phần có khối lượng kiến thức từ 03 TC trở lên: 03 điểm kiểm tra định kỳ dưới hình thức bài kiểm tra hoặc thực hành (45 phút trên lớp) hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận.

b. Điểm tiểu luận, đề án môn học chỉ áp dụng với các học phần quy định trong mỗi chương trình đào tạo và được tổ chức chấm theo Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết

usg

quả học phần của Trường.

Điều 13. Tổ chức kỳ thi hết học phần

1. Trường tổ chức thi kết thúc học phần 2 lần trong một học kỳ và tổ chức thêm kỳ thi phụ (thi lại, thi cải thiện điểm) sớm nhất là sau khi kết thúc kỳ thi chính của học phần 03 tuần.
2. Sinh viên đủ điều kiện dự thi hết học phần phải dự thi theo đúng lịch thi do Trường quy định.
3. Thời gian dành cho ôn thi hết học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và đảm bảo tối thiểu 01 ngày ôn thi cho khối lượng kiến thức 01 TC.
4. Hiệu trưởng quy định hình thức và thời gian thi cụ thể cho các học phần và các kỳ thi trong Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần của Trường.
5. Việc ra đề thi, xét và công bố điều kiện dự thi, tổ chức công tác coi thi và chấm thi, đề nghị xem xét lại bài thi, đánh giá học phần và lưu trữ bài thi được thực hiện theo Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần của Trường (ban hành tại Quyết định số 76 ngày 14 tháng 5 năm 2013).
6. Hình thức đánh giá học phần trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 14. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần

Một học phần X sinh viên được phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả điểm khi sinh viên đã thi đạt điểm đánh giá kết quả học phần tương đương mức A, B, C, D trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của Trường.

Việc xem xét miễn học, bảo lưu kết quả đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường do Hiệu trưởng quyết định.

Sinh viên đã có quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham dự tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ chương trình đào tạo, không được xét miễn học học phần, trừ các học phần đã được cấp các chứng chỉ riêng (Giáo dục Quốc phòng – An ninh).

Điều 15. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm đánh giá kết quả học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân.
2. Điểm đánh giá kết quả học phần là tổng hợp điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng (khoản 1, Điều 12 của Quy định này). Điểm đánh giá kết quả học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được

chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) như sau:

- Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A (8,5 - 10): Giỏi

B (7,0 - 8,4): Khá

C (5,5 - 6,9): Trung bình

D (4,0 - 5,4): Trung bình yếu

- Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: Từ 5,0 trở lên

- Loại không đạt: F (dưới 4,0): Kém

3. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

- I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

- X: Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần.

4. Đối với những học phần được Trường cho phép chuyển điểm khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

Ký hiệu R được áp dụng cho những trường hợp sau:

- Điểm đánh giá kết quả học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học theo tiến độ nhanh.

- Những học phần được công nhận kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

5. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0;

- Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các điểm đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giáo viên cho phép nợ;

- Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể kiểm tra hoặc thi kết thúc học phần, nhưng phải được viện trưởng, trưởng khoa cho phép (sinh viên phải có chứng từ kèm theo)

- Sinh viên không thể dự kiểm tra giữa học phần hoặc thi kết thúc học phần vì những lý do khách quan, bất khả kháng được viện trưởng, trưởng khoa chấp thuận.

- Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải thực hiện xong việc kiểm tra, thi các phần còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Quản lý đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ bộ môn chuyên lên.

Điều 16. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

- A tương ứng với 4;
- B tương ứng với 3;
- C tương ứng với 2;
- D tương ứng với 1;
- F tương ứng với 0.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: Là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i : Là điểm của học phần thứ i ;

n_i : Là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n : Là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ và năm học (điểm thi lần đầu) sử dụng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi năm học. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Điều 17. Xếp hạng năm đào tạo và học lực của sinh viên

1. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm theo kế hoạch học tập chuẩn, cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < 35$;
- Trình độ năm thứ hai: $35 \leq N < 70$;
- Trình độ năm thứ ba: $70 \leq N < 105$;
- Trình độ năm thứ tư: $105 \leq N < 134$;

UKG

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình tích lũy, sinh viên được xếp hạng học lực và xếp loại học tập như sau:

a. Xếp hạng học lực được phân thành 2 hạng:

- Hạng bình thường: nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- Hạng yếu: nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

b. Xếp loại học tập được phân thành 5 loại:

- Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00.
- Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59.
- Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19.
- Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.
- Loại Yếu: Điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị thôi học.

Kết quả học tập trong học kỳ hè của năm học nào được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ 2 của năm học đó để xếp hạng học lực và xếp loại học tập.

Điều 18. Nghỉ học tạm thời

Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua viện, khoa chuyên ngành) xin nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- Bị ốm, tai nạn, hoặc thai sản phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- Do nhu cầu cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải học ở Trường ít nhất một học kỳ, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học theo quy định tại Điều 17 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học tập tối đa tại trường.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải nộp đơn học lệ qua viện, khoa chuyên ngành gửi Hiệu trưởng, ít nhất 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 19. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được thực hiện khi có một trong 3 điều kiện sau:

a. Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ (bị điểm F), hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học tính đến thời

UPG

điểm xét vượt quá 24;

b. Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c. Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

Số lần cảnh báo kết quả học tập không vượt quá 2 lần liên tiếp và tối đa không quá 4 lần trong cả khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a. Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn quy định trong khoản 1 Điều này;

b. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại Khoản 1, Điểm d, Điều 6 của Quy định này;

c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 3, Điều 24 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 20. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp

Handwritten signature

theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 21. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b. Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và xin chuyển đến;

d. Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên có điểm xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến theo từng phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển;

b. Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa theo quy định tại khoản 1, Điều 17 của Quy định này;

d. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Trường;

b. Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo của Trường và trường xin chuyển đến.

Điều 22. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp gồm 2 học phần: Học phần Báo cáo thực tập tổng hợp và học phần Khóa luận tốt nghiệp. Thời gian thực tập tốt nghiệp là 14 tuần. Đối với hệ đại học chính quy, tổng số tín chỉ là 10, trong đó: Học phần Báo cáo thực tập tổng hợp là 4 tín

10

chỉ, học phần Khóa luận tốt nghiệp là 6 tín chỉ. Đối với hệ liên thông đại học, tổng số tín chỉ là 7, trong đó: Học phần Báo cáo thực tập tổng hợp là 3 tín chỉ, học phần Khóa luận tốt nghiệp là 4 tín chỉ.

1. Quy định đối với sinh viên

a. Trước 03 tuần của học kỳ cuối khóa, nhà trường lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp gửi đến các viện, khoa chuyên ngành, giấy giới thiệu thực tập và thư cảm ơn để phát cho sinh viên. Sinh viên phải đăng ký thực tập tốt nghiệp để hoàn thành chương trình đào tạo.

b. Điều kiện để sinh viên đi thực tập tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần chuyên ngành, đạt điểm trung bình chung tích lũy 5,5 điểm (thang điểm 10) với điều kiện các học phần phải đạt điểm D trở lên.

- Đang trong thời gian còn được phép học tại trường (tính cả thời gian sinh viên thực tập tốt nghiệp)

- Không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự

- Phải hoàn thành học phí học kỳ cuối khóa và lệ phí cấp bằng – sinh viên mới được nhận giấy giới thiệu và thư cảm ơn của nhà trường.

c. Đăng ký thực tập tốt nghiệp: sinh viên đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp, tự liên hệ địa điểm thực tập, nếu không liên hệ được, sinh viên phải báo về Bộ môn chuyên ngành để được giúp đỡ.

d. Quyền lợi đối với sinh viên:

- Sinh viên được quyền đăng ký giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cho mình trên cơ sở phải được sự chấp thuận của giảng viên.

- Danh sách giảng viên tham gia hướng dẫn thực tập tốt nghiệp các ngành, chuyên ngành được công bố kèm theo tài liệu hướng dẫn chung của viện, khoa chuyên ngành vào cuối học kỳ 1 của năm thứ 4.

- Sinh viên xin mẫu đăng ký giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp tại Văn phòng viện, khoa chuyên ngành, chủ động liên hệ với giảng viên, để xin xác nhận và nộp lại cho các bộ môn để làm cơ sở phân công giảng viên hướng dẫn. Các trường hợp khác sẽ do Bộ môn phân công giảng viên hướng dẫn theo quy định.

e. Nghĩa vụ đối với sinh viên:

Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, sinh viên phải tuân thủ sự hướng dẫn của giảng viên và bộ môn quản lý, sinh viên phải thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn theo quy định để triển khai nội dung thực tập tốt nghiệp theo kế hoạch được duyệt, sinh viên phải chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động cụ thể của đơn vị thực tập, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc và nghiên cứu trong thực tiễn kinh doanh, phải chấp hành nghiêm túc các chế độ, quy định nội quy của nhà trường cũng như của đơn vị thực tập.

f. Sinh viên viết và hoàn thành báo cáo thực tập tổng hợp theo thời gian quy định của trường, gửi bản mềm cho giảng viên hướng dẫn sửa chữa, sau hoàn thiện, sinh viên gửi bản cứng có chữ ký và dấu xác nhận của đơn vị thực tập kèm bản mềm. Sinh viên đạt yêu cầu học phần Báo cáo thực tập tổng hợp mới được thực hiện tiếp học phần Khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên nộp đính kèm chữ ký và dấu của đơn vị nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp, kèm bản mềm cho giảng viên hướng dẫn.

g. Sinh viên có điểm học phần thực tập tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại học phần chưa đạt hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của học phần thực tập tốt nghiệp.

2. Đối với bộ môn chuyên ngành

Bộ môn chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn cho sinh viên của viện, khoa chuyên ngành đăng ký thực tập, hướng dẫn cho sinh viên của viện, khoa chuyên ngành thực tập nghiệp vụ chuyên môn theo kế hoạch chung của nhà trường.

3. Quy định về giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp.

- Giảng viên có thời gian tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành từ 3 năm trở lên. Tùy theo điều kiện cụ thể về số lượng sinh viên cần hướng dẫn và đội ngũ giảng viên hiện có để bố trí giảng viên hướng dẫn cho phù hợp.

- Giảng viên kiêm chức, kiêm môn, thỉnh giảng, cán bộ quản lý ngoài trường có trình độ thạc sĩ đúng chuyên ngành trở lên được mời tham gia hướng dẫn theo quy định của nhà trường.

- Mỗi giảng viên hướng dẫn số lượng sinh viên thực tập tốt nghiệp trong một kỳ thực tập do Hiệu trưởng quy định nhằm đảm bảo chất lượng.

4. Chấm báo cáo thực tập tổng hợp và khóa luận tốt nghiệp.

Điểm báo cáo thực tập tổng hợp và điểm khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và có chữ ký, họ và tên của giảng viên và của trưởng bộ môn.

Các bộ môn chuyên ngành chấm kiểm tra xác suất tối thiểu 5% số khóa luận tốt nghiệp của sinh viên: Những khóa luận quá hoàn hảo, nghi sinh viên nhờ người làm thuê hoặc sao chép khóa luận; khóa luận chưa đạt yêu cầu. Thành phần gồm Trưởng bộ môn và 1 hoặc 2 giảng viên trong bộ môn.

Điều 23. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định

tại Điều 2 của Quy định này;

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4)

d. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, điểm học phần Giáo dục Thể chất đạt yêu cầu; chứng chỉ trình độ Anh ngữ tương đương TOEIC 450 điểm trở lên. Hệ liên thông đại học không áp dụng quy định này.

e. Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp trong thời hạn 3 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với nhà trường.

Điều 24. Cấp bằng tốt nghiệp, cấp chứng nhận học phần

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc ngành chính - phụ). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

- Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại Xuất sắc và Giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có khối lượng của các học phần phải thi lại (kể cả học lại) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo cấp Trường trở lên trong thời gian học.

3. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1, Điều 22 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và điểm học phần Giáo dục Thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm (tính từ ngày khóa học mà sinh viên đã theo học kết thúc theo kế hoạch), được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền

làm đơn xin chuyển qua các chương trình đào tạo khác theo quy định tại khoản 3, Điều 19 của Quy định này.

6. Số lần xét tốt nghiệp trong năm dự kiến là 3 lần.

Điều 25. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Nhà trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Nhà trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử của trường chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Nhà trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành và các quyết định nêu tại điểm b khoản 1 Điều 21 đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

CHƯƠNG IV

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 26. Khen thưởng

Sinh viên có thành tích trong học tập và rèn luyện được xét khen thưởng hàng năm

og

và đột xuất với các quy định cụ thể như sau:

1. Các danh hiệu khen thưởng sinh viên hàng năm học

- Sinh viên Xuất sắc: tặng danh hiệu sinh viên xuất sắc cho những sinh viên đạt xếp loại học tập xuất sắc (lấy điểm đánh giá lần thứ nhất) và xếp loại rèn luyện xuất sắc trở lên;

- Sinh viên Giỏi: tặng danh hiệu sinh viên giỏi cho những sinh viên đạt xếp loại học tập giỏi (lấy điểm đánh giá lần thứ nhất) và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên;

- Sinh viên Khá: tặng danh hiệu sinh viên khá cho những sinh viên đạt xếp loại học tập khá (lấy điểm đánh giá lần thứ nhất) và xếp loại rèn luyện từ khá trở lên.

Để đạt các danh hiệu trên sinh viên không bị kỷ luật từ khiển trách từ cấp Khoa trở lên.

2. Xét cấp học bổng

Việc thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên căn cứ theo các thông tư liên tịch, các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường:

a) Học bổng chỉ được cấp trong thời gian kế hoạch của khóa đào tạo (trong 08 học kỳ), thời gian tạm dừng kéo dài và thời gian học lấy bằng thứ hai không được xét cấp học bổng. Việc xét cấp học bổng được tiến hành theo từng năm học;

b) Mức học bổng khuyến khích học tập được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan và theo quy định của Trường;

c) Điều kiện cần để xét học bổng khuyến khích học tập:

- Sinh viên phải có xếp loại học tập đạt loại Giỏi và rèn luyện đạt từ Tốt trở lên.

- Sinh viên đăng ký theo học, dự thi và tích lũy được số tín chỉ không nhỏ hơn 80% tổng số tín chỉ quy định theo tiến độ của thời gian đào tạo tiêu chuẩn từng học kỳ.

Điều 27. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm

1. Trong khi học, dự kiểm tra học phần; làm tiểu luận, bài tập lớn; chuẩn bị và tham gia thảo luận, thực hành; thi kết thúc học phần; làm luận văn tốt nghiệp nếu vi phạm các quy định sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm theo Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần của Trường;

2. Sinh viên đi học hộ hoặc nhờ người đi học hộ đều bị xử lý kỷ luật ở mức cảnh cáo toàn trường đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất, đình chỉ học 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai và bị buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ ba;

3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ; làm hộ luận văn tốt nghiệp đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc

thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai;

4. Sinh viên tổ chức học, thi, kiểm tra hộ; tổ chức làm hộ tiểu luận, khóa luận, luận văn tốt nghiệp bị xử lý buộc thôi học và tùy theo mức độ vi phạm có thể bị giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2, 3 Điều này, mức độ sai phạm và hướng xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định trong Quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; Quy định công tác học sinh, sinh viên nội trú, ngoại trú và các Quy định liên quan khác.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng đối với các khóa đào tạo đại học chính quy của Trường. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo.

Các đơn vị trực thuộc và đơn vị thuộc trường, các cán bộ, giáo viên và sinh viên đại học hệ chính quy của Trường chịu trách nhiệm thi hành quy định này. /.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để b/c);
- P. ĐBCL&TTNB;
- Lưu VT, QLĐT.



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh